

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH THÚ Y**

*(Kèm theo Quyết định số 1728/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 31/12/2016 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên)*

1. Thông tin chung

Chuyên ngành đào tạo: Thú y

Trình độ đào tạo: Đại học

Tên văn bằng tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Cử nhân Thú y

Tiếng Anh:

Thời gian đào tạo: 4,5 năm

Hình thức đào tạo: Tập trung

2. Mục tiêu đào tạo:

- Đào tạo cử nhân Thú y đáp ứng nhu cầu của xã hội trong sự nghiệp phát triển khoa học kỹ thuật về lĩnh vực chuyên ngành Thú y.

- Cung cấp nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng tay nghề thành thạo. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, tôn trọng nghề nghiệp. Có khả năng tiếp tục học tập, tham gia học tập ở các bậc học cao hơn.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Yêu cầu về kiến thức

- Vận dụng được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh. Kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, hội nhập kinh tế Quốc tế phù hợp với chuyên ngành đào tạo vào giải quyết những vấn đề lý luận, thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống.

- Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về: động vật học, sinh lý, hóa sinh, giải phẫu, tổ chức học, bệnh lý học, vi sinh vật thú y vào hoạt động chuyên ngành như chẩn đoán, xét nghiệm và các hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi - thú y;

- Ứng dụng được kiến thức về dược lý, dược liệu, độc chất và miễn dịch học làm cơ sở xây dựng biện pháp phòng và trị bệnh động vật đạt hiệu quả cao;

- Vận dụng được kiến thức về bệnh truyền nhiễm, nội khoa, ngoại khoa, sản khoa, và kỹ sinh trùng để chẩn đoán, xây dựng quy trình phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi;

- Ứng dụng được kiến thức về dịch tễ học, vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm nghiệm thú sản, các bệnh truyền lây và Luật Thú y để lựa chọn, đề xuất xây dựng và tổ chức thực hiện các quy trình phòng, trị bệnh cho vật nuôi; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường chăn nuôi góp phần bảo vệ sức khỏe của con người;

- Vận dụng thành thạo kiến thức chuyên ngành để phân tích, tổng hợp và giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực thú y;

- Có hiểu biết và kiến thức về kinh doanh, marketing và ứng dụng trong lĩnh vực kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, con giống và các sản phẩm liên quan đến động vật;

- Vận dụng các kiến thức tổng hợp để thiết kế, triển khai các đề tài nghiên cứu về lĩnh vực thú y, bước đầu hình thành năng lực sáng tạo, phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

3.2. Yêu cầu về kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Vận dụng các vấn đề và phạm vi liên quan đến chuyên ngành vào thực tế sản xuất để:
 - + Tư vấn chuyên môn và thực hiện thành thạo các thao tác lâm sàng trong lấy mẫu bệnh phẩm, chẩn đoán, phòng và trị bệnh cho vật nuôi.
 - + Thực hiện thành thạo các xét nghiệm phi lâm sàng trong chẩn đoán bệnh động vật.
 - + Sử dụng được một số phương tiện hiện đại trong lĩnh vực chuyên môn Thú y.
 - + Sử dụng các loại vắc xin, thuốc và hóa dược để phòng và trị bệnh cho vật nuôi.
 - + Lập kế hoạch, tổ chức điều hành sản xuất, kinh doanh Chăn nuôi - Thú y.
- Biết cách mô phỏng, mô hình hoá, ước lượng biên độ, giới hạn và tổng quát hoá các vấn đề có liên quan đến chuyên ngành.

- Tổng hợp, phân tích các yếu tố bất định liên quan đến chuyên ngành như: hạch toán lợi nhuận, bối cảnh xã hội trong và ngoài nước, yếu tố rủi ro, các thông tin bất lợi.... đến hoạt động sản xuất trong ngành Thú y.

- Biết cách thiết kế, triển khai các đề tài nghiên cứu về lĩnh vực Thú y, bước đầu hình thành năng lực sáng tạo, phát triển nghề nghiệp.

3.2.2. Kỹ năng mềm

- Tham gia thành lập nhóm và hoạt động nhóm có hiệu quả. Có kỹ năng lãnh đạo và phát triển nhóm.

- Trao đổi, chia sẻ, gắn kết, hợp tác các thành viên trong nhóm và giữa các nhóm để hoàn thành tốt công việc.

- Lựa chọn giải pháp marketing, phát triển thị trường phù hợp trong từng bối cảnh.
- Xác định bối cảnh, đối tượng để chọn lựa cách thức giao tiếp cho phù hợp.
- Sử dụng thành thạo các phương tiện giao tiếp đa truyền thông (nói, viết, lắng nghe, điện tử, đồ họa...), hợp tác và làm việc với cộng đồng.

- Tin học trình độ B và sử dụng thành thạo một số phần mềm chuyên ngành minitab13, 14, stargraphish, SPSS;

- Trình độ tiếng Anh TOEIC 350 (hoặc tương đương).

3.3. Yêu cầu về thái độ và phẩm chất đạo đức

- Có lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, có ý thức trách nhiệm đối với đất nước.

- Tự tin đương đầu với khó khăn, nhiệt tình, say mê sáng tạo và khát vọng vươn lên trở thành chuyên gia, nhà lãnh đạo chuyên môn; làm việc khoa học và sắp xếp công việc một cách hợp lý để nâng cao hiệu quả làm việc;

- Sẵn sàng làm việc độc lập, khoa học, tự học hỏi, tìm kiếm, cập nhật, sử dụng thông tin..

- Có ý thức và năng lực học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

- Đảm bảo đủ sức khỏe phục vụ công tác.

- Có thái độ cộng tác, khách quan, công bằng trong công việc.

- Trung thực, cẩn thận, khách quan, chuyên nghiệp, công bằng khi thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn; có tình yêu thương đối với động vật; nhiệt tình và trách nhiệm khi cứu chữa cho vật nuôi;

4. Khối lượng kiến thức sinh viên cần tích lũy

150 tín chỉ, chưa kể phần nội dung về Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

5. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, đáp ứng được yêu cầu của quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ của Bộ GD &ĐT.

6. Quy trình đào tạo, thang điểm và điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo, thang điểm và điều kiện tốt nghiệp được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT và cụ thể hóa bằng Quyết định Quyết định số 756 /QĐ-ĐT Ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm

7. Khung chương trình

TT	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Số TC	Số tiết LT	Số tiết TH	Mã số học phần
A. Kiến thức giáo dục đại cương		Basic Subject Knowledge	48			
I. Các học phần bắt buộc		Required Subjects	38			
a) Lý luận chính trị		Polictice Science	10			
1	Nguyên lý 1 (Triết học Mác-Lênin)	Fundamental Principles 1 (Phylosophy)	2	30	-	MLP121
2	Nguyên lý 2 (Kinh tế chính trị và CNXHKKH)	Fundamental Principles 2 (Political economics and scientific socialism)	3	45	-	MLP132
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Revolutionary Roads and Policies of Vietnamese Communist Party	3	45	-	VCP131
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's ideology	2	30	-	HCM121
b) Ngoại ngữ, Tin học, Khoa học tự nhiên, xã hội		Language, Informatic, Natural and Social Science	28			
5	Hóa học	Chemistry	2	25	10	CHE121
6	Hóa phân tích	Analysing Chemistry	2	25	10	ACH121
7	Sinh học	General Biology	2	25	10	GBI121
8	Toán cao cấp 1	Mathematics 1	2	30	-	MAT121
9	Xác suất- Thống kê	Probability and Statistics	3	45	-	PST131
10	Tiếng Anh 1	English 1	3	45	-	ENG131
11	Tiếng Anh 2	English 2	2	30	-	ENG122
12	Tiếng Anh 3	English 3	2	30	-	ENG123
13	Tiếng Anh 4	English 4	3	45	-	ENG134
14	Tin học đại cương	General Informatics	3	30	30	GIN131
15	Xã hội học đại cương	General Sociology	2	30	-	GSO121
16	Nhà nước và Pháp luật	State Law	2	30	-	SLA121
II. Các học phần tự chọn (tích lũy đủ 12 TC)		Self Selection Subjects	10			
17	Phương pháp tiếp cận khoa học	Scientific Approach Methodology	2	30	-	SAM121
18	Soạn thảo văn bản	Text Editing	2	15	30	PVL121
19	Sinh thái môi trường	Environmental Ecology	2	30	-	EEC121
20	Động vật học	Zoology	2	30	-	ZOO221
21	Vi sinh vật đại cương	General microorganism	2	26	8	GMO221
22	Tiếng Anh chuyên ngành	Specific English for	2	30	-	EVM121

	thú y	Animal husbandry				
23	Sinh học phân tử	Molecular Biology	2	30	-	MBI121
24	Vật lý	Physics	2	30	-	PHY121
25	Toán ứng dụng	Special Mathematics	2	30	-	AMA121
26	An toàn vệ sinh lao động	Works Safety and Hygenic	2	30	-	WSH121
27	Ô nhiễm Môi trường	Environmental Pollution	2	30	-	EPO121
28	Địa lý kinh tế Việt Nam	Vietnam Economic Geography	2	30	-	VEG121
III. Giáo dục thể chất*		Physical Education	3			
29	Giáo dục thể chất 1: Thể dục	Physical Education 1: Gymnastics	1	9	42	PHE111
30	Giáo dục thể chất 2: Bóng chuyền	Physical Education 2: Volleyball	1	9	42	PHE112
31	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá	Physical Education 3: Football	1	9	42	PHE113
IV. Giáo dục quốc phòng*		National Defense Education	165			
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		Professional Knowlegde	102			
I. Kiến thức cơ sở ngành		Basic Knowledge	34			
a) Các học phần bắt buộc		Required Subjects	25			
32	Hoá sinh đại cương	General biochemistry	2	24	12	GBC221
33	Giải phẫu động vật	Anatomy of domestic animals	3	39	12	ADA231
34	Tổ chức và phôi thai học	Histology and embryology of animal	2	26	8	HEA221
35	Sinh lý động vật	Animal Physiobiology	3	39	12	APH231
36	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	Animal nutrition	3	37	16	ANU221
37	Dược lý học	Pharmacology	3	39	12	PHA221
38	Miễn dịch học thú y	Immunology of veterinary	2	26	8	IVE221
39	Độc chất học thú y	Veterinary Toxicology	2	28	4	VTO321
40	Chẩn đoán bệnh thú y	Diagnosis of Animal Diseases	3	39	12	DAD331
41	Vi sinh vật thú y	Veterinary Microorganism	2	24	12	VMO221
b) Các học phần tự chọn (tích lũy đủ 9TC)		Self Selection Subjects	9			
42	Dịch tễ học thú y	Veterinary Epidemionogy	2	30	-	VEP321
43	Bệnh lý học thú y	Veterinary pathophysiology	3	39	12	VPP331
44	Di truyền động vật	Animal genetics	2	30	-	AGE221

45	Công nghệ sinh sản	Technology in Animal Reproduction	2	26	8	TAR321
46	Chọn và nhân giống vật nuôi	Animal selecting and propagating	3	39	12	ASP331
II. Kiến thức ngành		Special Knowledge	45			
a) Các học phần bắt buộc		Required Subjects	25			
47	Bệnh truyền nhiễm thú y	Veterinary infectious diseases	4	52	16	VID341
48	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	Parasite and veterinary parasitology	4	52	16	PVP341
49	Bệnh nội khoa thú y	Veterinary Internal Disease	4	52	16	VID342
50	Kiểm nghiệm thú sản	Animal Products Inspection	3	39	12	API321
51	Ngoại khoa thú y	Veterinary external Disease	3	39	12	VED331
52	Sản khoa thú y	Veterinary post-natal diseases	3	39	12	VPD331
53	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	Zoonosis	2	26	8	ZOO321
54	Bệnh ở chó mèo	Desease in smal animals	2	26	8	DSA321
b) Các học phần tự chọn (tích lũy đủ 20 TC)		Self Selection Subjects	20			
55	Chăn nuôi chuyên khoa	Special Animal Husbandry	4	54	12	SAH341
56	Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y	Prepare and inspection veterinary medicine	2	30	-	PIM321
57	Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin	Vaccine Application and Production Technology	2	30	-	PIM321
58	Dược liệu	Pharmacological Materials	2	30	-	VAP321
59	Luật Thú y	Veterinary Laws	2	30	-	VLA311
60	Vệ sinh chăn nuôi	Hygiene in animal husbandry	2	30	-	HAH321
61	Bệnh ở động vật thủy sản	Aquatic pathology	2	30	-	APA331
62	Bệnh dinh dưỡng		2	30	-	
63	Quyền lợi động vật	Animal welfare	2	30	-	ANW321
64	Chẩn đoán hình ảnh	Imaging Diagnosis	2	30	-	IDI321
65	Bệnh ở động vật hoang dã	Desease in wildlife	2	30	-	
66	Châm cứu chữa bệnh vật nuôi	Acupuncture for treatment in domestics	2	30	-	ATD321
67	Chăn nuôi động vật quý hiếm	Value Animal Husbandry	2	30	-	VAH321

68	Chăn nuôi cá nước ngọt	Fresh Water Fish Breeding Techniques	2	30	-	FFT321
III. Kiến thức bổ trợ		Supplemental Knowledge	6			
69	Vệ sinh an toàn thực phẩm	Food safety and Hygence	2	30	-	FSH321
70	Một sức khỏe	One health	2	30	-	ONH321
71	Phương pháp thí nghiệm (CNTY)	Exprimental Methods in Animal Husbandry	2	30	-	EMA321
IV. Thực tập nghề nghiệp		Professional practice	7			
72	TTNN 1: Chẩn đoán xét nghiệm (VSV, GPB)	Internship training 1: Diagnosis and test (microorganism, disease anatomy)	2	-	120	VME421
73	TTNN 2: Tiêm phòng chống dịch	Internship training 2: Injection and disease prevention for animal	4	-	240	VME442
74	TTNN 3: Tiếp cận công nghệ sản xuất thuốc thú y, vắc xin	Internship training 3: Veterinary Drugs and Vaccine Productive Technology Approach	1	-	60	VME413
75	Thực tập tốt nghiệp	Thesis	10	-	600	VME906
V. Rèn nghề		Skilled Practice	5			
76	Rèn nghề 1: kỹ năng phòng thí nghiệm	Skilled practice 1: Laboratory skills	2	-	120	SVM421
77	Rèn nghề 2: Quản lý, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh cho lợn	Skilled practice 2: Management, discovery, diagnosis and treatment diseases for pig	1	-	60	SVM412
78	Rèn nghề 3: Quản lý, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh cho gia cầm	Skilled practice 3: Management, discovery, diagnosis and treatment diseases for poultry	1	-	60	SVM413
79	Rèn nghề 4: Quản lý, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh cho gia súc nhai lại	Skilled practice 4: Management, discovery, diagnosis and treatment diseases for ruminant	1	-	60	SVM414
Tổng cộng		Total	150	2252	1796	

Ghi chú:

- Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Rèn nghề không tính vào số tín chỉ của chương trình đào tạo

- 1 tín chỉ (ITC) bằng 15 tiết lý thuyết; 30 tiết thực hành; 60 tiết thực tập nghề nghiệp (tương đương 1 tuần), rèn nghề ngoài thực địa

8. Kế hoạch giảng dạy

1. Năm thứ nhất

*. Học kỳ 1

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Nguyên lý 1 (Triết học Mác- Lênin)	2	30	-
2	Hóa học	2	25	10
3	Sinh học	2	25	10
4	Toán cao cấp 1	2	30	-
5	Xác suất- Thống kê	3	45	-
6	Tiếng Anh 1	3	45	-
7	Xã hội học đại cương	2	30	-
8	Giáo dục thể chất 1: Thể dục	1	9	42
	Cộng	17	239	62

*. Học kỳ 2

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Hóa phân tích	2	25	10
2	Nguyên lý 2 (Kinh tế chính trị và CNXHKKH)	3	45	-
3	Tiếng Anh 2	2	30	-
4	Tin học đại cương	3	30	30
5	Soạn thảo văn bản	2	15	30
6	Nhà nước và Pháp luật	2	30	-
7	Sinh thái môi trường	2	30	-
8	Giáo dục thể chất 2: Bóng chuyền	1	9	42
9	Giáo dục quốc phòng-An ninh (165 tiết = 5 tuần)	-	-	-
	Cộng	17	214	112

2. Năm thứ 2

*. Học kỳ 3

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Động vật học	2	30	-
2	Vi sinh vật đại cương	2	26	4
3	Hoá sinh đại cương	2	24	6

4	Giải phẫu động vật	3	39	6
5	Sinh lý động vật	3	39	6
6	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	3	37	8
7	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá	1	9	42
	Cộng	16	234	72

***. Học kỳ 4**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Tổ chức và phối thai học	2	26	4
2	Dược lý học	3	39	6
3	Miễn dịch học thú y	2	26	4
4	Di truyền động vật	2	30	-
5	Chẩn đoán bệnh thú y	3	39	6
6	Vi sinh vật thú y	2	24	6
7	Rèn nghề 1: kỹ năng phòng thí nghiệm	2	-	60
	Cộng	16	184	86

3. Năm thứ 3

***. Học kỳ 5**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Bệnh lý học thú y	3	39	6
2	Độc chất học thú y	2	28	2
3	Bệnh nội khoa thú y	4	52	8
4	Bệnh truyền nhiễm thú y	4	52	8
5	TTNN 1: Chẩn đoán xét nghiệm (VSV, GPB)	2	-	60
	Cộng	15	171	84

***. Học kỳ 6**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	4	52	8
2	Dịch tễ học thú y	2	30	-
3	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	30	-
4	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	2	26	4
5	TTNN 2: Tiêm phòng chống dịch	4	-	240
	Cộng	14	138	252

4. Năm thứ 4

*. Học kỳ 7

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Một sức khỏe	2	30	-
2	Bệnh ở chó mèo	2	26	4
3	Ngoại khoa thú y	3	39	6
4	Bệnh ở động vật thủy sản	2	30	-
5	Bệnh dinh dưỡng	2	30	-
6	Sản khoa thú y	3	39	6
7	Rèn nghề 2: Quản lý, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh cho lợn	1	-	60
8	Rèn nghề 3: Quản lý, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh cho gia cầm	1	-	60
9	Rèn nghề 4: Quản lý, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh cho gia súc nhai lại	1	-	60
	Cộng	17	188	196

*. Học kỳ 8

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Phương pháp thí nghiệm (CNTY)	2	30	-
2	Vệ sinh chăn nuôi	2	28	2
3	Chăn nuôi chuyên khoa	4	54	6
4	Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin	2	30	-
5	Công nghệ sinh sản	2	26	4
6	Kiểm nghiệm thú sản	3	39	6
7	TTNN 3: Tiếp cận công nghệ sản xuất thuốc thú y, vắc xin	1	-	60
	Cộng	16	207	78

5. Năm thứ 5

*. Học kỳ 9

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Quyền lợi động vật	2	30	-
2	Dược liệu	2	30	-
3	Luật Thú y	2	30	-
4	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	30	-
5	Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y	2	30	-

6	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45	-
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	-
	Cộng	15	527	0

***. Học kỳ 10**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Thực tập tốt nghiệp	10	-	600
	Cộng	10	-	600

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

1. Nguyên lý 1 (Triết học Mác – Lênin): 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này trang bị kiến thức những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy nhằm hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất cho nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng. Nội dung học phần gồm:

Phần I: Khái lược về triết học và lịch sử triết học

Chương I: Khái lược về triết học

Chương II: Khái lược về lịch sử triết học trước Mác

Chương III: Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin

Chương IV: Một số trào lưu triết học phương Tây hiện đại

Phần II: Những nguyên lý cơ bản của triết học Mác - Lênin

Chương V: Vật chất và ý thức

Chương VI: Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật

Chương VII: Những cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật

Chương VIII: Những quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

Chương IX: Lý luận nhận thức

Chương X: Hình thái kinh tế - xã hội

Chương XI: Giai cấp và dân tộc

Chương XII: Nhà nước và cách mạng xã hội

Chương XIII: ý thức xã hội

Chương XIV: Quan điểm triết học Mác - Lênin về con người

2. Nguyên lý 2 (Kinh tế chính trị và CNXHKKH): 3 TC

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/90 tiết tự học)

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần gồm có 2 nội dung chính. (1) Kinh tế chính trị là một lĩnh vực khoa học xã hội nghiên cứu việc sản xuất và trao đổi hàng hóa đặt trong mối quan hệ với chính trị dưới nhãn quan của chính trị gia. Nội dung Kinh tế chính trị cung cấp các khái niệm và hệ thống kiến thức cơ bản nhất cho khoa kinh tế hiện đại như cung cầu, lợi nhuận, tự do thương mại... Nhiều quan điểm của các trường phái kinh tế chính trị đã trở thành các tín điều mang tính ý thức hệ của các nhà kinh tế học và các chính trị gia. (2) Chủ nghĩa xã hội khoa học là nội dung trang bị kiến thức các lý thuyết về kinh tế-chính trị-xã hội do Các Mác và Ănggen sáng tạo. Học phần này là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác-Lenin, nghiên cứu sự vận động xã hội nhằm thủ tiêu chủ nghĩa tư bản và xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, tiến tới xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa. Theo nghĩa hẹp thì chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận của chủ nghĩa Mac-Lenin. Nội dung Chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên dựa trên phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, đồng thời cũng dựa trên những cơ sở lý luận khoa học về các quy luật kinh tế, quan hệ kinh tế... để luận giải một cách khoa học về quá trình nảy sinh cách mạng xã hội chủ nghĩa, hình thành và phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, gắn liền với sứ mệnh lịch sử có tính toàn thế giới của giai cấp công nhân hiện đại, nhằm giải phóng con người, giải phóng xã hội

3. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam: 3 TC

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/90 tiết tự học)

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về sự ra đời và trưởng thành của Đảng Cộng Sản Việt Nam, về quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ CMDTDCND tiến lên CMXHCN, từ việc xây dựng, hoạch định chủ trương đường lối cách mạng cho đến việc tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu để chỉ đạo thực tiễn. Đặc biệt, môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết sâu sắc về đường lối chủ trương của Đảng trong thời kỳ đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trên một số lĩnh vực cơ bản như: chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội, đối ngoại.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần cung cấp cho sinh viên ngành **Thú y** kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, hệ thống các quan điểm, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Làm rõ những sáng tạo và giá trị to

lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc khi tiếp cận và giải quyết các vấn đề lý luận cách mạng.

5. Hóa học: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (25 tiết lý thuyết/10 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần Hóa học gồm 6 chương với 50 tiết lý thuyết và 10 tiết thực hành. Phần lý thuyết trang bị cho sinh viên nội dung kiến thức cơ bản về cân bằng hóa học; kiến thức cơ bản về dung dịch; phân tích định tính, định lượng mẫu phân tích. Phần thực hành trang bị các thí nghiệm về ảnh hưởng của các yếu tố đến cân bằng hóa học; thực hành xác định giá trị pH của một số loại dung dịch thường gặp; nghiên cứu về các thí nghiệm chuẩn độ, xác định hàm lượng của mẫu phân tích.

6. Hóa phân tích: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (25 tiết lý thuyết/10 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản trong hóa phân tích, các phương pháp phân tích định tính, phương pháp phân tích định lượng gồm: phương pháp phân tích khối lượng và phương pháp phân tích thể tích và phương pháp phân tích công cụ.

7. Sinh học: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (25 tiết lý thuyết/10 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần Sinh học gồm 7 chương với 40 tiết lý thuyết và 5 tiết thực hành. Phần lý thuyết với những nội dung kiến thức cơ bản về thành phần hóa học của cơ thể sống, các cấp độ tổ chức của cơ thể sống, các phương thức trao đổi chất chủ yếu trong tế bào sống, sự sinh sản sinh trưởng và phát triển của các cơ thể sống, khả năng cảm ứng và thích nghi với môi trường sống của sinh vật, sự tiến hóa của sinh vật, ứng dụng của Sinh học trong ngành nông lâm nghiệp. Nhằm thực tế hóa nội dung lý thuyết giúp người học khắc sâu kiến thức, phần thực hành bao gồm những kiến thức cơ bản về: nội quy cơ bản trong phòng thí nghiệm; nghiên cứu và thực hành làm tiêu bản sống thực vật; quan sát một số tiêu bản cố định về tế bào động vật; quan sát trực quan cơ quan sinh sản của một số loài hoa; quan sát và phân loại một số quả.

8. Toán cao cấp 1: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần Toán cao cấp gồm 3 chương với 17 tiết lý thuyết và 13 tiết thảo luận. Phần lý thuyết: Các khái niệm về ma trận, các phép toán trên ma trận, ứng dụng của ma trận trong các bài toán thực tế; hệ phương trình tuyến tính (PTTT), cách giải hệ PTTT; phương trình vi phân (PTVP), các dạng phương trình vi phân và một số ứng dụng của phương trình vi phân; một số dạng toán tối ưu trong nông lâm nghiệp và các phương pháp giải bài toán tối ưu.

Phần thảo luận: Yêu cầu sinh viên ứng dụng các phương pháp đã học vào giải các bài toán, đặc biệt sử dụng thành thạo phần mềm (Excel) trên máy để giải các bài toán về ma trận, hệ PTTT và các bài toán tối ưu.

9. Xác suất – Thống kê: 3 TC

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/90 tiết tự học)

Học phần Xác suất thống kê gồm 2 phần: Xác suất và thống kê với 27 tiết lý thuyết và 18 tiết thảo luận. Phần lý thuyết: Các kiến thức về phép thử, biến cố, xác suất của các biến cố; biến ngẫu nhiên (BNN), quy luật phân phối xác suất và các tham số đặc trưng của BNN; tổng thể, mẫu, các tham số đặc trưng của mẫu và cách tính; ước lượng tham số; kiểm định tham số; tương quan và hồi quy. Phần thảo luận: Yêu cầu sinh viên tính được xác suất của các biến cố thông qua các công thức; xác định được quy luật phân phối xác suất và tính được các tham số đặc trưng của BNN; giải thành thạo các bài toán về ước lượng, kiểm định tham số, tìm được hệ số tương quan và viết được phương trình hồi quy của hai biến ngẫu nhiên; sử dụng thành thạo phần mềm excel giải các bài toán thống kê.

10. Tiếng Anh 1: 3 TC

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/90 tiết tự học)

Học phần Tiếng Anh 1 bao gồm những kiến thức cơ bản, cốt lõi về Ngữ pháp (cấu trúc câu, thì động từ...), Ngữ âm (trọng âm & ngữ điệu), và Từ vựng (từ & cấu tạo từ). Hình thành bước đầu các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ như Nghe, Nói, Đọc, Viết trên cơ sở nắm chắc lý thuyết và thực hành thành thạo, giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về quan hệ liên môn giữa Ngôn ngữ, Văn hoá và hành động lời nói.

11. Tiếng Anh 2: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần Tiếng Anh 2 bao gồm các danh từ đếm được và danh từ không đếm được; từ chỉ số lượng, mạo từ; thì tương lai với be going to, will; thì hiện tại tiếp diễn ám chỉ đến tương lai gần; giới từ chỉ nơi chốn; thì hiện tại hoàn thành; mệnh đề quan hệ và câu điều kiện loại 1. Các từ chỉ chất liệu; từ nối; từ đồng nghĩa; từ chỉ nghề nghiệp; hậu tố; tiền tố. Các kiến thức về môi trường; cuộc sống; sự kiện; nơi làm việc; thám hiểm, kế hoạch và dự định; phỏng vấn công việc; tầm quan trọng của công nghệ; phát minh mới.

12. Tiếng Anh 3: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần Tiếng Anh 3 bao gồm các câu bị động (hiện tại và quá khứ); thì quá khứ hoàn thành; cấu trúc Used to..; câu gián tiếp; đại từ bất định; câu điều kiện loại 2; cụm động

từ; từ liên quan đến kỳ nghỉ; giới từ độc lập; phân loại động vật; thời tiết. Những nội dung hiểu biết về lịch sử; ngôn ngữ; du lịch và kỳ nghỉ; thiên nhiên.

13. Tiếng Anh 4: 3 TC

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/90 tiết tự học)

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản, cốt lõi về Ngữ pháp (cấu trúc câu, thì động từ...), Ngữ âm (trọng âm & ngữ điệu), và Từ vựng (từ & cấu tạo từ); Củng cố những hiện tượng cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm và Từ vựng đã nêu làm cơ sở thực hành trong giao tiếp; Hình thành bước đầu các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ như Nghe, Nói, Đọc, Viết trên cơ sở nắm chắc lý thuyết và thực hành thành thạo; Những khái niệm cơ bản về quan hệ liên môn giữa Ngôn ngữ, Văn hoá và hành động lời nói.

Ngữ pháp: Câu bị động (hiện tại và quá khứ); thì quá khứ hoàn thành; cấu trúc Used to...; câu gián tiếp; đại từ bất định; câu điều kiện loại 2;

Từ vựng: cụm động từ; từ liên quan đến kỳ nghỉ; giới từ độc lập; phân loại động vật; thời tiết.

Đọc hiểu: lịch sử; ngôn ngữ; du lịch và kỳ nghỉ; thiên nhiên.

Nghe: học ngôn ngữ; du lịch; thiên nhiên.

Nói: kế hoạch cho kỳ nghỉ; dự đoán tương lai.

Viết: thư; tiểu sử.

Phát âm: âm /s /, /z/, /trọng âm.

Học xong học phần này, sinh viên có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh, soạn thảo văn bản bằng tiếng Anh, đọc tài liệu bằng tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp.

14. Tin học đại cương: 3 TC

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/30 tiết thực tập/90 tiết tự học)

Tin học đại cương là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về máy tính, mạng máy tính và Internet; sử dụng được máy tính, các phần mềm tiện ích, các ứng dụng đa phương tiện và các phần mềm văn phòng; tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet để phục vụ học tập và nghiên cứu.

15. Xã hội học đại cương: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Môn học Xã hội học Đại cương là môn học bắt buộc nhằm trang bị cho sinh viên ngành Khoa học môi trường một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học; các khái niệm cơ bản xã hội học. Trên cơ sở của các khái niệm cơ bản, sinh viên có thể hiểu được mối quan hệ

giữa các cá nhân, nhóm và xã hội; vị trí vai trò của các cá nhân, các nhóm xã hội, các thiết chế, các tổ chức xã hội, các tầng lớp và các giai cấp xã hội trong một xã hội. Trên cơ sở những tri thức đó, giáo dục cho sinh viên đạo đức nghề nghiệp xã hội học trong công cuộc xây dựng đất nước ta hiện nay.

16. Nhà nước và pháp luật: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần Nhà nước và pháp luật gồm có 10 chương. Chương 1 giới thiệu cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước như: nguồn gốc ra đời, khái niệm về nhà nước, bản chất, đặc điểm, hình thức và các kiểu nhà nước trong lịch sử. Chương 2 giới thiệu cho người học những kiến thức cơ bản nhất về pháp luật như: nguồn gốc ra đời, khái niệm về pháp luật, bản chất, đặc điểm và vai trò của pháp luật, một số khái niệm pháp lý cơ bản như: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý và pháp chế xã hội chủ nghĩa. Chương 3 giới thiệu về hệ thống pháp luật Việt Nam bao gồm cấu trúc của hệ thống pháp luật, các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Chương 4 đến chương 8 giới thiệu cho sinh viên về một số ngành luật độc lập và quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như ngành luật Hiến pháp, ngành luật Hành chính, ngành luật Dân sự, ngành luật Hình sự, ngành luật đất đai, ngành luật Hôn nhân gia đình. Chương 9 giới thiệu về pháp luật về phòng chống tham nhũng với những kiến thức cơ bản như tham nhũng là gì? Làm thế nào để xác định được hành vi tham nhũng? Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng và ý nghĩa của việc phòng chống tham nhũng.

17. Phương pháp tiếp cận khoa học: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Phương pháp tiếp cận khoa học là môn học mang tính ứng dụng và thực tiễn cao. Học phần được thiết kế thành 4 chương, mỗi chương được biên soạn theo trình tự, trình bày một cách logic, khoa học, chi tiết nội dung của từng vấn đề, từ đó rút ra ý nghĩa của việc học tập và nghiên cứu khoa học. Nội dung chính bao gồm: Chương 1: Đại cương về khoa học và nghiên cứu khoa học; Chương 2: Trình tự nghiên cứu khoa học; Chương 3: Đề tài nghiên cứu khoa học, Chương 4: Đánh giá kết quả nghiệm thu và công bố kết quả nghiên cứu

18. Soạn thảo văn bản: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (15 tiết lý thuyết/30 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung nhất về văn bản: định nghĩa, đặc trưng, phân loại, những yêu cầu về nội dung và hình thức của văn bản, ý nghĩa của việc

soạn thảo văn bản đặc biệt là văn bản hành chính. Sinh viên có thể ứng dụng trong quá trình học tập tại Trường và sau khi ra trường.

19. Sinh thái môi trường: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Môn học được chia làm 5 phần chính: Khái niệm chung trong sinh thái học; Sinh thái học cá thể; Quần thể, quần xã sinh vật; Hệ sinh thái; Sinh thái học với quản lý tài nguyên môi trường. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sinh thái học; mối quan hệ tác động qua lại giữa sinh vật với môi trường. Trên cơ sở đó ứng dụng vào việc xây dựng hệ sinh thái nông nghiệp cân bằng và hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững đồng thời quản lý, bảo vệ môi trường sống và khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý và hiệu quả.

20. Động vật học: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về động vật không xương sống, và động vật có xương sống bao gồm: các đặc điểm hình thái ngoài, đặc điểm giải phẫu của các nội quan bên trong, đặc điểm sinh học, quan hệ phát sinh và các bước phát triển của giới động vật, để có thể tiếp thu các môn khoa học cơ sở và chuyên môn một cách dễ dàng, có hệ thống. Mặt khác, giúp người học hiểu rõ đặc điểm sinh học của các loài động vật có ích và động vật gây hại.

21. Vi sinh vật đại cương: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (26 tiết lý thuyết/8 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần cung cấp, trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đặc điểm hình thái, cấu tạo, sinh lý, sinh hoá, di truyền... của các nhóm vi sinh vật thường gặp trong tự nhiên và trong cơ thể người, động vật như: vi khuẩn, virus, nấm men, nấm mốc... Ngoài ra, môn học còn nghiên cứu tác động của các nhân tố ngoại cảnh tới vi sinh vật, nghiên cứu những mặt có lợi và có hại của vi sinh vật trong đời sống, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, từ hiểu rõ và giải thích được các hiện tượng và ứng dụng của vi sinh vật trong học tập, nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất.

Ngoài ra, học phần còn làm tiền đề, cơ sở để sinh viên tiếp thu kiến thức của các môn chuyên ngành khác như: vi sinh vật học chăn nuôi, vi sinh vật học thú y, truyền nhiễm... đồng thời có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các cán bộ làm công tác nghiên cứu vi sinh vật.

22. Tiếng Anh chuyên ngành thú y: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần trang bị cho sinh viên ngành Chăn nuôi thú y kiến thức tiếng Anh học thuật nhằm giúp cho sinh viên có được những kỹ năng cần thiết để có thể học tập và làm việc bằng tiếng Anh, có khả năng đọc hiểu các tài liệu bằng tiếng Anh, nghe hiểu được các cuộc phỏng vấn, báo cáo và bài giảng bằng tiếng Anh, trình bày được ý tưởng cá nhân và viết các bài luận trong môi trường học thuật. Môn học này còn cung cấp cho sinh viên một lượng từ vựng tiếng Anh chuyên ngành nhất định phù hợp với từng ngành học.

23. Sinh học phân tử: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Cung cấp kiến thức nền tảng về các đại phân tử sinh học (DNA, RNA, protein) và cách tổ chức, hoạt động của sự sống ở cấp độ phân tử, các quy luật hoạt động của thông tin di truyền. Là nền tảng để sinh viên hiểu được các phương pháp, kỹ thuật sử dụng các công cụ Sinh học phân tử trong chăn nuôi thú y như các phương pháp chẩn đoán phân tử, xét nghiệm, vaccine thể hệ mới

24. Vật lý: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần Vật lý gồm 5 chương với 27 tiết lý thuyết, bài tập, thảo luận và 3 tiết thực hành. Phần lý thuyết: trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về các dạng chuyển động cơ bản gắn với thực tiễn, các định luật cơ bản của Niu tơn; các hiện tượng thường gặp trong cơ học chất lỏng, những ứng dụng quan trọng của cơ học chất lỏng; trang bị những kiến thức cơ bản về điện từ trường, sóng điện từ; cung cấp một số kiến thức về quang sóng, quang lượng tử, các quá trình quang sinh; các kiến thức cơ bản về vật lý hạt nhân và sử dụng một số kỹ thuật hạt nhân trong chăn nuôi thú y. Phần bài tập, thảo luận: vận dụng lý thuyết giải quyết những bài toán, hiện tượng xảy ra trong thực tế. Phần thực hành: sinh viên được thực hiện những bài thực hành ảo qua các phần mềm, ứng dụng mô phỏng nhằm củng cố lý thuyết và vận dụng giải thích các quy luật, hiện tượng vật lý vào đúng chuyên ngành đang theo học.

25. Toán ứng dụng: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần đề cập đến các vấn đề: Tập hợp, ánh xạ, số phức, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ, một số mô hình tuyến tính trong chăn nuôi thú y.

26. An toàn vệ sinh lao động: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần An toàn lao động có 24 tiết lý thuyết và 6 tiết thực hành. Lý thuyết bao gồm những kiến thức cơ bản về an toàn lao động như: Bảo hộ lao động, kiến thức phòng tránh

sự cố, tai nạn lao động; Kỹ thuật an toàn lao động trong một số trường hợp cụ thể như: an toàn hóa chất, an toàn điện, an toàn cháy nổ, an toàn trong môi trường áp lực, an toàn làm việc với thiết bị nâng và an toàn sinh học trong phòng thí nghiệm; Hệ thống chính sách pháp luật về an toàn vệ sinh lao động của Việt Nam, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động và người lao động trong công tác an toàn vệ sinh lao động; **Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hệ thống quản lý an toàn vệ sinh lao động**, xây dựng văn hóa an toàn trong sản xuất;. Thực hành kỹ năng xử lý sự cố, sơ cứu các tình huống tai nạn nơi làm việc.

27. Ô nhiễm môi trường: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần Ô nhiễm môi trường nhằm đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng cho sinh viên các trường học thuộc khối ngành nghề quản lý và kỹ thuật, cũng như những người đang làm việc trong các nhà máy, công ty, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường học và cơ quan Nhà nước. Học phần ô nhiễm môi trường cung cấp cho sinh viên ngành Thú y cách nhìn tổng quan các kiến thức về môi trường, thành phần môi trường, vai trò của môi trường, mối quan hệ giữa phát triển với phát triển bền vững, đặc biệt là vấn đề ô nhiễm môi trường nước thải, khí thải và chất thải rắn trong chăn nuôi hiện nay. Học phần giới thiệu về những khái niệm cơ bản của các loại ô nhiễm môi trường chính, nguyên nhân gây ô nhiễm, tác nhân, tác hại gây ô nhiễm môi trường cũng như các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Học phần được gồm 5 nội dung chính như sau: Cơ sở lý luận ô nhiễm môi trường, Ô nhiễm môi trường không khí, Ô nhiễm môi trường nước, Ô nhiễm môi trường đất và các dạng ô nhiễm môi trường khác.

28. Địa lý kinh tế Việt Nam: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Địa lý kinh tế là một môn khoa học kinh tế - xã hội, nghiên cứu về thực trạng và định hướng phát triển các nguồn lực tự nhiên của Việt Nam. Khả năng hội nhập của Việt Nam trong khu vực và trên Thế giới; Các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam; Tổ chức lãnh thổ các ngành, các vùng kinh tế của Việt Nam.

29. Giáo dục thể chất 1: Thể dục : 1 TC

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (9 tiết lý thuyết/42 tiết thực tập/30 tiết tự học)

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng tập các động tác thể dục tay không và thực hiện các nội dung điền kinh như chạy... Sau khi học

xong học phần này, sinh viên sẽ nâng cao được ý thức thường xuyên rèn luyện sức khỏe để có tinh thần học tập và làm việc tốt hơn.

30. Giáo dục thể chất 2: Bóng chuyền: 1 TC

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (9 tiết lý thuyết/42 tiết thực tập/30 tiết tự học)

Môn học bóng chuyền trang bị cho sinh viên các khai niệm chung và hệ thống kỹ thuật cơ bản giúp sinh viên nắm được các kỹ thuật cơ bản và khả năng vận dụng các kỹ thuật trong các tình huống thi đấu, Rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá các kỹ thuật thông qua tranh ảnh, video liên quan tới hệ thống kỹ thuật cơ bản, yêu cầu sinh viên tham gia học tập theo nhóm và thảo luận có ý kiến độc lập, không phụ thuộc vào ý kiến người khác và nhận thức được ý nghĩa tác dụng của môn học bóng chuyền

31. Giáo dục thể chất 3: Bóng đá: 1 TC

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (9 tiết lý thuyết/42 tiết thực tập/30 tiết tự học)

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng môn bóng đá. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nâng cao được ý thức thường xuyên rèn luyện sức khỏe để có tinh thần học tập và làm việc tốt hơn.

32. Hóa sinh đại cương: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (249 tiết lý thuyết/12 tiết thực tập/30 tiết tự học)

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: i) Cấu tạo, tính chất, chức năng của các thành phần cấu tạo nên cơ thể động vật; ii) Vai trò, tác động sinh học của vitamin, enzyme, hormone đến sinh trưởng, phát triển của vật nuôi và các tác nhân gây bệnh do thiếu vitamin, enzyme hay rối loạn hormone; iii) Sự tiêu hóa, hấp thu, tổng hợp, phân giải của các quá trình trao đổi chất bình thường của cơ thể gia súc gia cầm; iv) Nguồn gốc, nguyên nhân của hầu hết các bệnh thường gặp do sự rối loạn quá trình trao đổi chất ở cơ thể gia súc, gia cầm.

33. Giải phẫu động vật - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực tập/90 tiết tự học)

Học phần Giải phẫu động vật trang bị cho sinh viên những kiến thức về vị trí, hình dạng, cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể gia súc (trâu, bò, ngựa, lợn, dê) và gia cầm (gà).

Học xong học phần Giải phẫu động vật sinh viên có khả năng xác định đúng vị trí, mô tả được các cơ quan trong cơ thể gia súc, gia cầm để khám, chữa bệnh; so sánh và phân biệt được các cơ quan của các loài gia súc, gia cầm; thực hiện được các thao tác giải phẫu cơ thể động vật và có những ứng dụng trong thực tiễn.

34. Tổ chức và phôi thai học: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (26 tiết lý thuyết/8 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần trang bị kiến thức cho người học các kiến thức về đơn vị nhỏ nhất của cơ thể (Tế bào học), về các tổ chức/mô đại cương của cơ thể (Tổ chức học đại cương), về cấu tạo vi thể của các hệ cơ quan (Tổ chức học chuyên khoa) và về Phôi thai học làm nền tảng cho các môn học chuyên ngành như Chẩn đoán bệnh, Sinh lý bệnh, Công nghệ sinh sản,...

35. Sinh lý động vật: 3TC

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực tập/90 tiết tự học)

Gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm hoạt động sống của cơ thể, chức năng của các cơ quan, bộ phận trong cơ thể vật nuôi. Giải thích được các hiện tượng trong quá trình sống của động vật và ứng dụng vào thực tiễn CNTY

36. Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi: 3 TC

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (37 tiết lý thuyết/16 tiết thực tập/90 tiết tự học)

Môn học cung cấp cho người học những hiểu biết về: *i*) Các chất dinh dưỡng cần thiết đối với vật nuôi, *ii*) Phương pháp đánh giá chất lượng protein và giá trị dinh dưỡng của thức ăn, *iii*) Nhu cầu các chất dinh dưỡng của vật nuôi, *iv*) Đặc điểm của các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, *v*) Đặc điểm của cây thức ăn xanh và kỹ thuật trồng, *vi*). Phương pháp sản xuất thức ăn hỗn hợp.

37. Dược lý học: 3TC

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực tập/90 tiết tự học)

Học phần tập trung vào những kiến thức cơ bản về dược lý học, dược động học, cơ chế tác dụng của thuốc; thuốc tác dụng lên các cơ quan chuyên biệt của cơ thể; thuốc tác dụng chuyển hóa, kích thích sinh trưởng, thuốc chống vi trùng, chống nấm, virus, thuốc trị ký sinh trùng và hướng dẫn cách sử dụng thuốc phòng trị bệnh cho gia súc, gia cầm.

38. Miễn dịch học Thú y: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (26 tiết lý thuyết/8 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về: (i) sự đề kháng tự nhiên của cơ thể động vật trong sinh thái; (ii) vai trò chức năng các thành phần trong hệ thống miễn dịch của cơ thể và quá trình đáp ứng miễn dịch trong cơ thể; (iii) cơ chế hoạt động và trạng thái miễn dịch của cơ thể; (iv) đáp ứng miễn dịch của cơ thể chống vi sinh vật gây bệnh; (v) ứng dụng của miễn dịch học thú y trong xét nghiệm, chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho động vật.

39. Độc chất học thú y: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (28 tiết lý thuyết/4 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần Độc chất học thú y trang bị các kiến thức: Khái niệm về chất độc, cách chất độc xâm nhập vào cơ thể vật nuôi, tác động của chất độc đối với cơ thể. Biết cách chẩn đoán và điều trị cho động vật khi bị ngộ độc, Biết cách phòng tránh hiện tượng ngộ độc và các biện pháp xử lý phù hợp khi vật nuôi bị ngộ độc.

40. Chẩn đoán bệnh thú y: 3TC

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực tập/90 tiết tự học)

Học phần Chẩn đoán bệnh thú y cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của chẩn đoán bệnh thú y, phương pháp tiếp cận và cố định gia súc để khám bệnh; phương pháp hỏi bệnh; các phương pháp khám bệnh cơ bản: quan sát, sờ nắn, gõ và nghe; phương pháp khám chung: khám lâm sàng chung, khám dung thái gia súc, khám thể tạng, khám niêm mạc, khám hạch lâm ba, khám lông và da, đo thân nhiệt; phương pháp khám các hệ cơ quan gia súc, gia cầm: khám hệ tim mạch và kiểm tra máu, khám hệ hô hấp, khám hệ tiêu hóa, khám hệ tiết niệu – sinh dục, khám hệ thần kinh.

41. Vi sinh vật thú y: 2TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (24 tiết lý thuyết/12 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết về: (i) Đặc điểm của các loài vi khuẩn, virus và nấm gây bệnh ở vật nuôi. (ii) Phương pháp nuôi cấy, phân lập và chẩn đoán các vi sinh vật gây bệnh cho vật nuôi.

42. Dịch tễ học Thú y: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về: i) Nguyên nhân gây bệnh cùng các yếu tố nguy cơ hình thành dịch bệnh; ii) Những hiểu biết về dịch tễ học bệnh truyền nhiễm và các biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm; iii) Phương pháp tính toán các thông số dịch tễ học, phân tích các yếu tố nguy cơ giữa bệnh và tác nhân gây bệnh; iv) Biết cách lấy mẫu và số lượng mẫu trong nghiên cứu.

43. Bệnh lý học thú y: 3 TC

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực tập/90 tiết tự học)

Học phần Bệnh lý học là môn học nghiên cứu về những thay đổi chức năng và hình thái của mô và tế bào khi cơ thể bị bệnh. Đây là môn học tiền lâm sàng của ngành Thú y và là cầu nối giữa các môn cơ sở và môn lâm sàng khác. Học phần này trang bị cho người học một số nguyên lý cơ bản trong bệnh lý học làm cơ sở cho chẩn đoán bệnh. Đồng thời trang bị cho sinh viên ngành thú y những hiểu biết cơ bản về đặc điểm bệnh lý chuyên khoa bao gồm các đặc điểm bệnh lý ở các cơ quan cơ thể của động vật, các đặc điểm bệnh lý do các

nguyên nhân khác nhau gây ra ở động vật giúp cho các bác sỹ thú y có thể chẩn đoán và chẩn đoán phân biệt giữa các bệnh nhanh chóng và chính xác từ đó đưa ra được các phác đồ điều trị hợp lý và hiệu quả các bệnh ở động vật.

44. Di truyền động vật: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức khoa học cơ bản về: *i)* cơ sở di truyền các tính trạng và tập tính ở động vật; *ii)* nguồn gốc, quá trình thuần hóa, sự thích nghi và đặc điểm của các giống vật nuôi; *iii)* cơ sở khoa học và các phương pháp đánh giá, chọn, tạo, nhân giống vật nuôi.

45. Công nghệ sinh sản: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (26 tiết lý thuyết/8 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức khoa học về: *i)* sinh lý sinh dục đực, cái, *ii)* Kỹ thuật khai thác, kiểm tra phẩm chất tinh dịch, kỹ thuật pha chế và bảo tồn tinh dịch, *iii)* Thụ tinh nhân tạo. Cây truyền phôi và một số công nghệ sinh sản khác sử dụng trong chăn nuôi.

46. Chọn và nhân giống vật nuôi: 3 TC

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực tập/90 tiết tự học)

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về sự thích nghi của vật nuôi; nguồn gốc, đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của một số giống vật nuôi chủ yếu ở nước ta. Đánh giá và giám định được ngoại hình, thể chất và sinh trưởng của vật nuôi; hiểu được sinh trưởng phát dục và các chỉ tiêu đánh giá sinh trưởng, phát dục và sức sản xuất của vật nuôi, mối quan hệ huyết thống giữa các cá thể; các phương pháp chọn lọc giống và ghép đôi giao phối; các phương pháp nhân giống vật nuôi; chương trình giống và tổ chức công tác giống; các kỹ thuật kiểm tra phẩm chất tinh dịch và thụ tinh nhân tạo cho vật nuôi.

47. Bệnh truyền nhiễm Thú y: 4 TC

Phân bố thời gian học tập: 4 tín chỉ (52 tiết lý thuyết/16 tiết thực tập/120 tiết tự học)

Bệnh truyền nhiễm thú y là môn khoa học nghiên cứu về: *i)* Đại cương về bệnh truyền nhiễm thú y (bao gồm khái niệm và các biểu hiện của nhiễm trùng, các loại nhiễm trùng, phương thức tác động của mầm bệnh, các thời kỳ tiến triển của bệnh, các khâu của quá trình sinh dịch, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sinh dịch, phương thức truyền bệnh truyền nhiễm, nguyên lý và các biện pháp phòng, chống bệnh truyền nhiễm); *ii)* Truyền nhiễm học chuyên khoa (bao gồm: bệnh truyền nhiễm chung của nhiều loài gia súc, bệnh truyền nhiễm của trâu bò, bệnh truyền nhiễm của lợn, bệnh truyền nhiễm của gia cầm)

48. Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y: 4 TC

Phân bố thời gian học tập: 4 tín chỉ (52 tiết lý thuyết/16 tiết thực tập/120 tiết tự học)

Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y là môn khoa học nghiên cứu về: i) những vấn đề cơ sở của ký sinh trùng thú y (bao gồm những khái niệm, phân loại, các đặc điểm sống của ký sinh trùng, học thuyết tiêu diệt bệnh giun sán, các phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng, biện pháp chẩn đoán và phòng chống bệnh ký sinh trùng); ii) Ký sinh trùng chuyên khoa, bao gồm: sán lá và một số bệnh sán lá, sán dây và một số bệnh sán dây, giun tròn và một số bệnh giun tròn, động vật chân đốt ký sinh và một số bệnh động vật chân đốt, đơn bào và một số bệnh đơn bào ở gia súc và gia cầm

49. Bệnh nội khoa thú y: 4 TC

Phân bố thời gian học tập: 4 tín chỉ (52 tiết lý thuyết/16 tiết thực tập/120 tiết tự học)

Học phần Bệnh nội khoa Thú y cung cấp cho người học những kiến thức về đại cương điều trị học nội khoa, các kiến thức về truyền máu, truyền dung dịch cho gia súc, đồng thời đi sâu tìm hiểu về đặc điểm bệnh lý, nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích, các phương pháp chẩn đoán và điều trị bệnh ở hệ thống tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, thần kinh, rối loạn trao đổi chất, các chất độc gây bệnh đối với gia súc. Học xong học phần Bệnh nội khoa thú y người học có khả năng vận dụng những kiến thức đại cương nội khoa để thực hiện việc hỗ trợ điều trị bệnh cho bệnh súc; áp dụng được các kỹ thuật chẩn đoán lâm sàng; ứng dụng được một số kỹ thuật chẩn đoán phi lâm sàng và kỹ thuật hiện đại như: siêu âm, xét nghiệm máu, nước tiểu... trong chẩn đoán bệnh nội khoa thông thường xảy ra ở các cơ quan trong cơ thể gia súc. Thực hiện được các thao tác ngoại khoa trong hỗ trợ điều trị bệnh nội khoa gia súc; thành thạo việc kê đơn, hỗ trợ điều trị và điều trị bệnh nội khoa gia súc.

50. Kiểm nghiệm thú sản: 3 TC

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực tập/90 tiết tự học)

Kiểm nghiệm thú sản là học phần nghiên cứu về các phương pháp vận chuyển, bảo quản, chế biến và kiểm tra về mặt vệ sinh thú y đối với động vật và sản phẩm động vật như thịt, trứng, sữa, cá... nhằm mục đích cung cấp cho con người các sản phẩm động vật có giá trị cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn sức khỏe cho người tiêu dùng và an toàn dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm.

51. Ngoại khoa thú y: 3 TC

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực tập/90 tiết tự học)

Học phần ngoại khoa thú y cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Bác sỹ thú y chất lượng cao các kiến thức về các kỹ thuật cơ bản của ngoại khoa thú y, bao gồm các phương

pháp cố định, nguyên tắc đề phòng nhiễm trùng trong phẫu thuật, các phương pháp gây mê, gây tê sử dụng trong phẫu thuật (thuốc tiền mê, thuốc mê, thuốc tê), các phương pháp cầm máu phẫu thuật, các loại kim và chỉ khâu, cũng như các phương pháp kết nối mô bào được sử dụng để đóng kín vết thương, và các phương pháp băng bó cho gia súc. Tiếp theo, học phần sẽ giới thiệu từng trường hợp phẫu thuật riêng biệt theo cơ quan và vùng giải phẫu của cơ thể động vật bao gồm phẫu thuật cơ quan sinh sản, phẫu thuật vùng đầu và vùng bụng. Ngoài ra, Học phần sẽ giới thiệu một số bệnh học ngoại khoa hay xảy ra trên cơ thể động vật bao gồm chấn thương, tổn thương, các loại nhiễm trùng, hecni, khối u và các loại bệnh ở da, cơ, xương khớp móng và ở mắt. Tóm lại, học phần này liên quan chặt chẽ đến kiến thức về cơ thể học động vật, sinh lý động vật, dược lý và chẩn đoán bệnh, nhằm cung cấp kiến thức lẫn kỹ năng thiết yếu cho sinh viên ngành Thú y trước khi trở thành một bác sỹ thú y thực thụ.

52. Sản khoa thú y: 3 TC

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực tập/90 tiết tự học)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về: Hiện tượng có thai, những yếu tố ảnh hưởng đến cơ thể gia súc có thai, thời gian mang thai, quá trình hình thành phát triển của bào thai qua các giai đoạn, những biến đổi sinh lý của cơ thể gia súc khi có thai, trên cơ sở đó thực hiện các phương pháp chẩn đoán gia súc có thai. Khi có kết quả kết được gia súc có thai sẽ thực hiện quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý và sử dụng gia súc có thai. Những biểu hiện của gia súc trong thời gian gần đẻ, các yếu tố thúc đẩy quá trình sinh đẻ và phương pháp đỡ đẻ cho gia súc. Nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh trong thời gian gia súc mang thai, bệnh trong thời gian gia súc đẻ, bệnh trong thời gian gia súc sau đẻ, bệnh ở tuyến vú, hiện tượng đẻ khó, các bước kiểm tra trước khi thủ thuật trong can thiệp đẻ khó và phương pháp can thiệp trong các trường hợp đẻ khó. Hiện tượng rối loạn sinh sản ở gia súc, nguyên nhân dẫn đến hiện tượng không sinh sản ở gia súc, phương pháp chẩn đoán gia súc đẻ không sinh sản, phương pháp chẩn đoán gia súc cái không sinh sản và phương pháp điều trị bệnh.

53. Bệnh truyền lây giữa động vật và người: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (26 tiết lý thuyết/8 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Bệnh truyền lây giữa động vật và người là môn khoa học nghiên cứu về: i) Đại cương về bệnh truyền lây giữa động vật và người (bao gồm Khái niệm và giới thiệu chung về bệnh truyền lây giữa động vật và người ; Các loại hình bệnh truyền lây chủ yếu; Các loại động vật mang mầm bệnh.); ii) Bệnh truyền lây giữa động vật và người do virus; iii) Bệnh truyền lây

giữa động vật và người do vi khuẩn; iv) Bệnh truyền lây giữa động vật và người do ký sinh trùng; v) Ứng dụng Một sức khỏe trong phòng chống bệnh truyền lây giữa động vật và người.

54. Bệnh ở chó mèo: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (26 tiết lý thuyết/8 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần Bệnh ở chó, mèo cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Bác sỹ thú y chất lượng cao các kiến thức cơ bản về phương pháp cố định, kiểm tra các hệ cơ quan của chó, mèo (da, hạch lympho, hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ bài tiết, hệ sinh dục). Ngoài ra, học phần cũng cung cấp các kiến thức về một số bệnh truyền nhiễm, ký sinh trùng thường, nội ngoại khoa thường gặp trên chó mèo như căn bệnh, nguyên nhân gây bệnh, cách sinh bệnh, các phương pháp chẩn đoán và phòng trị nhằm giúp sinh viên có khả năng tư duy, phân tích và đưa ra các giải pháp phòng, trị hiệu quả cho các trường hợp bệnh trong thực tế. Cuối cùng, học phần còn trang bị cho sinh viên các kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc của Bác sỹ thú y trong thực tiễn.

55. Chăn nuôi chuyên khoa: 4 TC

Phân bố thời gian học tập: 4 tín chỉ (54 tiết lý thuyết/12 tiết thực tập/120 tiết tự học)

Học phần Chăn nuôi chuyên khoa được xây dựng gồm có 11 chương, chia 3 phần:

Phần 1: Chăn nuôi trâu bò, gồm có 3 chương về Một số giống trâu, bò phổ biến ở Việt nam; Chăn nuôi trâu, bò sinh sản; Chăn nuôi trâu, bò sản xuất.

Phần 2: Chăn nuôi lợn, gồm có 4 chương về Một số giống lợn phổ biến ở Việt nam; Kỹ thuật chăn nuôi lợn nái sinh sản; Kỹ thuật chăn nuôi lợn con theo mẹ; Kỹ thuật chăn nuôi lợn thịt.

Phần 3: Chăn nuôi gia cầm, gồm có 4 chương là Một số giống gia cầm phổ biến ở Việt Nam; Kỹ thuật ấp trứng gia cầm; Kỹ thuật chăn nuôi gà; Kỹ thuật chăn nuôi thủy cầm.

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Chăn nuôi, giúp sinh viên phân biệt được các giống, loại lợn, trâu bò và gia cầm; Biết chọn giống và tiến hành kỹ thuật nhân giống với lợn, trâu bò, gia cầm; Những vấn đề kỹ thuật cơ bản về lựa chọn thức ăn, cách cho ăn và kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc đối với từng giai đoạn sản xuất cụ thể của các đối tượng lợn, trâu bò và gia cầm

56. Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y là học phần trang bị cơ sở lý luận và kỹ thuật thực hành về pha chế, sản xuất các dạng thuốc thông thường; về tiêu chuẩn chất lượng, cách đóng gói, bảo quản và kỹ thuật kiểm nghiệm các dạng thuốc đó nhằm phát huy cao nhất hiệu

lực điều trị của thuốc, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho người dùng và đáp ứng được hiệu quả kinh tế.

Nội dung của học phần gồm: i) các kiến thức cơ bản về bào chế, kiểm nghiệm và sinh dược học dạng thuốc; ii) một số phương pháp bào chế các dạng thuốc; iii) một số phương pháp cơ bản và công nghệ kỹ thuật để kiểm nghiệm thuốc thú y.

57. Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin là môn khoa học nghiên cứu về: i) những vấn đề cơ bản về vắc xin (bao gồm: khái niệm và phân loại vắc xin, các đặc tính cơ bản của vắc xin, thành phần của vắc xin, đặc điểm của một số loại vắc xin dùng trong thú y); ii) Công nghệ sản xuất và kiểm nghiệm vắc xin, bao gồm: nguyên lý sản xuất vắc xin, sản xuất vắc xin, một số quy trình sản xuất vắc xin, kiểm nghiệm vắc xin, một số quy trình kiểm nghiệm vắc xin; iii) Sử dụng vắc xin trong phòng bệnh cho gia súc, gia cầm (bao gồm: nguyên lý sử dụng vắc xin, quy luật hình thành kháng thể đặc hiệu sau khi sử dụng vắc xin ở động vật, nguyên tắc khi sử dụng vắc xin, một số loại vắc xin sử dụng phòng bệnh cho gia súc, gia cầm.

58. Dược liệu: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần Dược liệu thú y cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dược liệu, lịch sử phát triển của dược liệu trên thế giới và ở Việt Nam, cách đặt tên các dược liệu, các nguyên tắc và phương pháp thu hái dược liệu, các phương pháp làm khô dược liệu, các phương pháp chọn lựa, đóng gói và bảo quản dược liệu, các phương pháp bào chế dược liệu theo Đông y; Các thành phần hóa học và dược chất có trong dược liệu, tác dụng dược lý và ứng dụng điều trị của các thành phần đó; Các phương pháp đánh giá, kiểm nghiệm dược liệu; Đặc điểm về hình thái, phân bố, các thành phần hoá học, tác dụng dược lý và ứng dụng của 1 số dược liệu trong điều trị các bệnh cho vật nuôi như bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng, bệnh sản khoa, bệnh nội khoa... ở các hệ cơ quan như hệ tuần hoàn, hệ tiêu hóa, hệ sinh dục, tiết niệu... Các bài thuốc dân gian trong điều trị bệnh; Một số dược liệu có tính độc để phòng tránh.

59. Luật thú y: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Giới thiệu về luật **Luật Thú y số 97/2015/QH13**

60. Vệ sinh chăn nuôi: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cập nhật về ảnh hưởng của các yếu tố ngoại cảnh đến sức khỏe và sức sản xuất của vật nuôi. Các biện pháp cải thiện môi trường góp phần nâng cao năng suất vật nuôi và phương pháp xử lý các chất thải chăn nuôi, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

61. Bệnh ở Động vật thủy sản: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về: Tổng quan về bệnh ở động vật thủy sản; phương pháp chẩn đoán, phòng và trị bệnh ở động vật thủy sản; Phương pháp dùng thuốc, hóa chất trong công tác phòng và trị bệnh ở động vật thủy sản; và Phương pháp quản lý sức khỏe động vật thủy sản.

62. Bệnh dinh dưỡng: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về: Vai trò của dinh dưỡng đối với cơ thể vật nuôi, Ảnh hưởng do mất cân đối về năng lượng, protein và chất béo đối cơ thể gia súc. Phát hiện, chẩn đoán và điều trị một số bệnh phổ biến do thiếu khoáng. Ảnh hưởng do mất cân đối về vitamin, hiểu biết về các loại vitamin. Nghiên cứu những nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh do rối loạn vitamin. Những rối loạn do trao đổi chất và ngộ độc trên gia cầm. Nghiên cứu những nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh do rối loạn trao đổi chất và ngộ độc trên gia cầm. Nghiên cứu những nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh do rối loạn trao đổi chất ở chó mèo. Nghiên cứu những nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh do rối loạn trao đổi chất ở lợn. Nghiên cứu những nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh do rối loạn trao đổi chất và yếu tố thức ăn trên thú đa vị. Tìm hiểu các hợp chất thứ cấp ở trong thức ăn thực vật và động vật và ngộ độc các chất bổ sung trong thức ăn chăn nuôi

63. Quyền lợi động vật: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Gồm các chương về Giới thiệu phúc lợi động vật; đánh giá phúc lợi động vật dựa theo các tiêu chí; đánh giá phúc lợi động vật theo sinh lý học, hệ thần kinh tự động; đánh giá phúc lợi động vật theo sinh lý học – hệ thần kinh, nội tiết.

64. Chẩn đoán hình ảnh: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần Chẩn đoán hình ảnh trang bị cho sinh viên các kiến thức về: cơ sở vật lý, nguyên lý, kỹ thuật của các Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh như: X quang thường quy, siêu âm các cơ quan trong cơ thể gia súc như: tim, phổi, mạch máu, hệ sinh dục, tiết niệu, xương, khớp, thần kinh, tiêu hóa. Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng vận dụng những kiến thức đại cương về sử dụng máy siêu âm, x quang trong chẩn đoán bệnh cho vật nuôi; biết cách siêu âm một số cơ quan trong cơ thể: tim, phổi, mạch máu, hệ sinh dục, tiết niệu, xương, khớp, thần kinh, tiêu hóa; biết cách chụp x.quang để chẩn đoán các bệnh liên quan đến xương, khớp, thần kinh, ổ bụng và răng hàm mặt.

65. Bệnh ở động vật hoang dã: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần Bệnh động vật hoang dã trang bị những kiến thức về: i) Phân loại bộ thú, phân loại bộ chim, phân loại bộ bò sát, phân loại bộ gặm nhấm); ii) Một số bệnh thường gặp ở bộ thú (bao gồm: bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng, bệnh nội - ngoại - sản khoa); iii) Một số bệnh thường gặp ở bộ chim (bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng); iv) Một số bệnh thường gặp ở bộ bò sát (bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng); v) Một số bệnh thường gặp ở bộ gặm nhấm (bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng).

66. Châm cứu chữa bệnh vật nuôi: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần trang bị cho người học kiến thức về: Lý luận về y học cổ truyền phương đông trong điều trị bệnh. Cơ chế tác dụng của châm cứu theo y học hiện đại. Các huyệt châm, cứu trên cơ thể vật nuôi. Các phương pháp điều trị gồm: châm vê tay, điện châm, thủy châm và cứu. Một số đơn huyệt điều trị cho vật nuôi.

67. Chăn nuôi động vật quý hiếm: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: Các quy định của luật về đăng ký gây nuôi, vận chuyển và sử dụng các sản phẩm động vật quý hiếm; Kỹ thuật chăn nuôi, tổ chức, quản lý sản xuất, và nghiên cứu ong, tằm và các đối tượng động vật quý hiếm.

68. Chăn nuôi cá nước ngọt: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần Chăn nuôi cá nước ngọt cung cấp cho người học đặc điểm sinh học của một số loài cá nước ngọt thường được nuôi phổ biến tại Việt Nam, kỹ thuật sản xuất giống và ương nuôi cá, kỹ thuật nuôi thương phẩm cá nước ngọt, kỹ thuật phòng và trị bệnh cho cá nước ngọt

69. Vệ sinh an toàn thực phẩm: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần trang bị các kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm. Các kiến thức cơ bản về chương trình quản lý chất lượng thực phẩm theo HACCP, ISO 9000, VietGAP trong chăn nuôi.

70. Một sức khỏe: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: Một số vấn đề cơ bản về Một sức khỏe, Các yếu tố ảnh hưởng đến Một sức khỏe, Năng lực cốt lõi Một sức khỏe. Áp dụng năng lực cốt lõi Một sức khỏe trong kiểm soát dịch bệnh và an toàn thực phẩm.

71. Phương pháp thí nghiệm (CNTY): 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi - thú y bao gồm có 5 chương. Chương 1. Mục đích, phân loại và các nguyên tắc cơ bản khi thiết kế thí nghiệm trong chăn nuôi - thú y. Chương 2. Các phương pháp thiết kế thí nghiệm. Chương 3. Một số khái niệm và các tham số thống kê sinh học. Chương 4. Phương pháp phân tích số liệu thí nghiệm. Chương 5. Xử lý số liệu thống kê bằng phần mềm máy tính. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về những nguyên tắc cơ bản khi thiết kế một thí nghiệm, các phương pháp thiết kế thí nghiệm một nhân tố và hai nhân tố, các tham số thống kê của mẫu thường gặp, phương pháp phân tích số liệu thí nghiệm và xử lý số liệu kết quả nghiên cứu bằng các phần mềm trên máy tính như phần mềm SAS, Minitab.

72. TTNN 1: Chẩn đoán xét nghiệm (VSV, GPB): 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/120 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng về vệ sinh, khử trùng các thiết bị, dụng cụ trong phòng thí nghiệm. Cách pha chế môi trường, nuôi cấy, nhuộm tiêu bản trong phòng thí nghiệm vi sinh vật. Các trang thiết bị máy móc, kỹ năng về làm tiêu bản đại thể, vi thể và đọc tiêu bản.

73. TTNN 2: Tiêm phòng chống dịch: 4 TC

Phân bố thời gian học tập: 4 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/2400 tiết thực tập/120 tiết tự học)

Học phần trang bị các kỹ năng về cách sử dụng và bảo quản vắc xin, cách tiếp cận gia súc, các kỹ thuật trong tiêm phòng vắc xin.

74. TTNN 3: Tiếp cận công nghệ sản xuất thuốc thú y, vắc xin: 1 TC

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/60 tiết thực tập/30 tiết tự học)

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách tổ chức, quản lý và sản xuất tại các nhà máy thức ăn, thuốc thú y và trang trại chăn nuôi.

75. Thực tập tốt nghiệp: 10TC

Phân bố thời gian học tập: 10 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/600 tiết thực tập/300 tiết tự học)

Học phần học trước: Bệnh truyền nhiễm thú y, Bệnh nội khoa thú y, Sản khoa thú y, Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y, Ngoại khoa thú y

Học phần tiên quyết: Chẩn đoán bệnh thú y, Dược lý học thú y, Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện phòng chống dịch bệnh động vật, Quản lý dịch bệnh và thực hành thú y tại trại gia cầm, Kỹ năng chẩn đoán, phòng và trị bệnh cho vật nuôi tại Bệnh xá thú y

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Thực tập tốt nghiệp là học phần cuối cùng của chương trình đào tạo và đóng vai trò không thể thiếu trong nền giáo dục hiện nay. Học phần thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên tiếp cận và nắm bắt thực tế sản xuất, củng cố kiến thức đã học, đồng thời áp dụng lý thuyết vào thực tiễn sản xuất, từ đó nâng cao kiến thức chuyên môn nắm vững các phương pháp nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, thời gian thực tập tốt nghiệp cũng là thời gian sinh viên rèn luyện, học hỏi kinh nghiệm của người đi trước, nhằm trang bị những kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và công tác quản lý sau khi tốt nghiệp ra trường có thể trở thành một người cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn, tay nghề vững vàng, nâng cao kỹ năng mềm và khả năng giao tiếp hiệu quả.

76. Rèn nghề 1: kỹ năng phòng thí nghiệm: 2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/120 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng về vệ sinh, khử trùng các thiết bị, dụng cụ trong phòng thí nghiệm. Cách pha chế môi trường, nuôi cấy, nhuộm tiêu bản trong phòng thí nghiệm vi sinh vật.

77. Rèn nghề 2: Quản lý, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh cho lợn: 1 TC

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/60 tiết thực tập/30 tiết tự học)

Học phần trang bị cho người học những kỹ năng về chuẩn bị các điều kiện để nuôi lợn (Chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi...); Nội quy của một cơ sở chăn nuôi lợn; Thức ăn cho các loại lợn; Đặc điểm của các đối tượng lợn nuôi trong cơ sở; Kỹ thuật chọn lợn; Kỹ thuật chăn nuôi lợn (Vệ sinh chuồng trại, cho ăn, cho uống...); Kiểm tra và đánh giá tình trạng sức khỏe đàn lợn; Thực hiện quy trình phòng trị bệnh (Vệ sinh thú y, phòng bệnh bằng vắc xin, sử dụng thuốc phòng và trị bệnh...); Xử lý chất thải trong cơ sở chăn nuôi lợn; Tìm hiểu kế hoạch sản xuất của trại qua sổ sách/ phỏng vấn; Biết tính hiệu quả kinh tế khi nuôi lợn /năm.

78. Rèn nghề 3: Quản lý, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh cho gia cầm: 1 TC

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/60 tiết thực tập/30 tiết tự học)

Học phần trang bị cho người học những kỹ năng về chuẩn bị các điều kiện để nuôi gia cầm (Chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi... trong chăn nuôi gia cầm); Nội quy của một cơ sở chăn nuôi gia cầm; Thức ăn cho các loại gia cầm; Đặc điểm của các đối tượng gia cầm nuôi trong cơ sở; Kỹ thuật chọn gia cầm; Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm (Vệ sinh chuồng trại, cho ăn, cho uống...); Kiểm tra và đánh giá tình trạng sức khỏe đàn gia cầm; Thực hiện quy trình phòng trị bệnh (Vệ sinh thú y, phòng bệnh bằng vắc xin, sử dụng thuốc phòng và trị bệnh...); Xử lý chất thải trong cơ sở chăn nuôi gia cầm; Tìm hiểu kế hoạch sản xuất của trại qua sổ sách/ phỏng vấn; Biết tính hiệu quả kinh tế khi nuôi gia cầm/năm.

79. Rèn nghề 4: Quản lý, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh cho gia súc nhai lại: 1 TC
Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/60 tiết thực tập/30 tiết tự học)

Học phần trang bị cho người học những kỹ năng về chuẩn bị các điều kiện để nuôi trâu, bò, dê, cừu (Chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi...); Nội quy của một cơ sở chăn nuôi gia súc nhai lại (GSNL); Thức ăn cho các loại GSNL; Đặc điểm của các đối tượng GSNL nuôi trong cơ sở; Kỹ thuật chọn GSNL; Kỹ thuật chăn nuôi GSNL (Vệ sinh chuồng trại, cho ăn, cho uống...); Kiểm tra và đánh giá tình trạng sức khỏe đàn GSNL; Thực hiện quy trình phòng trị bệnh (Vệ sinh thú y, phòng bệnh bằng vắc xin, sử dụng thuốc phòng và trị bệnh...); Xử lý chất thải trong cơ sở chăn nuôi GSNL; Tìm hiểu kế hoạch sản xuất của trại qua sổ sách/ phỏng vấn; Biết tính hiệu quả kinh tế khi nuôi GSNL /năm.